

MỨC ĐỘ SẴN SÀNG CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC TRƯỚC XU HƯỚNG ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIẢNG DẠY: MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Nguyễn Hương Trà
Đại học Cần Thơ
Email: nhuongtra@ctu.edu.vn.

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích quan điểm và mức độ sẵn sàng của giảng viên tiếng Pháp tại Trường Đại học Cần Thơ trước xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học đang diễn ra mạnh mẽ, AI không chỉ là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà còn đặt ra những thay đổi sâu sắc về vai trò giảng viên, cách thức tổ chức hoạt động học tập và phương pháp đánh giá. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi đối với 9/10 giảng viên của Bộ môn, kết hợp phân tích thông kê mô tả và diễn giải định tính các phản hồi mở. Kết quả cho thấy mức độ hiểu biết về AI còn chưa đồng đều; phần lớn giảng viên mới tiếp cận ở mức cơ bản và thiếu cơ hội tập huấn chuyên sâu. Mặc dù còn dè dặt và lo ngại về nguy cơ làm giảm vai trò nghề nghiệp cũng như khó khăn trong đánh giá sản phẩm học tập có sử dụng AI, đa số giảng viên vẫn nhìn nhận AI có tiềm năng cải thiện kết quả học tập, đặc biệt trong các kỹ năng thực hành ngôn ngữ. 100% giảng viên cho rằng cần cập nhật kiến thức và xây dựng hướng dẫn sử dụng AI có đạo đức.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, giảng viên tiếng Pháp, mức độ sẵn sàng, chuyển đổi số giáo dục đại học.
Nhận bài: 03/3/2026; Biên tập: 04/3/2026; Phản biện: 09/3/2026; Duyệt đăng: 16/3/2026.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi căn bản môi trường giáo dục đại học. Nếu trước đây công nghệ chủ yếu hỗ trợ kỹ thuật, thì hiện nay AI có thể tham gia trực tiếp vào quá trình dạy học như tạo nội dung, phản hồi ngôn ngữ, mô phỏng hội thoại và hỗ trợ đánh giá. Trong dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Pháp, AI mang lại nhiều tiện ích như luyện phát âm bằng nhận diện giọng nói, phản hồi viết tự động, xây dựng tình huống giao tiếp ảo và cá nhân hóa lộ trình học tập.

Theo Luckin và cộng sự, AI có thể được xem như “đối tác sư phạm” hỗ trợ cá nhân hóa học tập và cung cấp dữ liệu phân tích. Tuy nhiên, việc tích hợp AI không trung lập về mặt sư phạm, mà kéo theo sự thay đổi vai trò của giảng viên (GV) - từ người truyền đạt sang người thiết kế và điều phối hoạt động học tập. Đồng thời, AI cũng đặt ra những thách thức như nguy cơ lệ thuộc công nghệ, vấn đề trung thực học thuật và sự “ảo tưởng tiến bộ” của người học nếu thiếu định hướng.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy, việc ứng dụng AI trong giáo dục đại học còn thiên về khai thác lợi ích cho sinh viên (SV), trong khi năng lực ứng dụng AI của GV chưa được chú trọng đúng mức. Hiệu quả của AI phụ thuộc mạnh mẽ vào năng lực sư phạm và khả năng tích hợp công nghệ của GV, chứ không nằm ở bản thân công cụ.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, GV cần kết hợp kiến thức chuyên môn, sư phạm và công nghệ, đồng thời hiểu rõ nguyên lý, giới hạn và các vấn đề đạo đức của AI. Thực tiễn tại Trường Đại học Cần Thơ cho thấy việc ứng dụng AI vẫn ở giai đoạn

đầu và phụ thuộc nhiều vào từng cá nhân. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm khảo sát quan điểm và mức độ sẵn sàng của GV, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả tích hợp AI trong dạy học ngoại ngữ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu trong bài báo này là quan điểm và mức độ sẵn sàng của GV tiếng Pháp trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động giảng dạy chuyên ngành tiếng Pháp tại một trường đại học trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Khách thể nghiên cứu gồm đội ngũ gồm 10 GV thuộc 02 Bộ môn tiếng Pháp (Bộ môn phương pháp dạy học tiếng Pháp và Bộ môn Ngôn ngữ và văn hoá Pháp), Trường Đại học Cần Thơ. Đây là nhóm GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần tiếng Pháp ở bậc đại học và có vai trò quyết định trong việc triển khai, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp công nghệ.

Việc lựa chọn toàn bộ đội ngũ GV của 02 bộ môn làm khách thể nghiên cứu nhằm bảo đảm phản ánh một cách đầy đủ nhất có thể thực trạng nhận thức và mức độ sẵn sàng ứng dụng AI vào giảng dạy trong bối cảnh cụ thể của đơn vị.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp khảo sát định lượng kết hợp phân tích định tính đối với nội dung trả lời cho các câu hỏi khảo sát. Việc lựa chọn khảo sát nhằm phản ánh một cách trung thực nhận thức và tâm thế của đội ngũ GV trong một bối cảnh chuyển đổi số, trong đó có

chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đang diễn ra mạnh mẽ.

Khảo sát bằng bảng hỏi là một công cụ phổ biến trong nghiên cứu giáo dục nhằm thu thập dữ liệu về nhận thức, thái độ và thực hành của người tham gia trong một bối cảnh cụ thể. Phương pháp này đặc biệt phù hợp khi mục tiêu nghiên cứu là mô tả thực trạng và xác định xu hướng trong một nhóm khách thể xác định.

Với quy mô nhóm khách thể nhỏ và tính chất nghiên cứu mang tính nội bộ, phương pháp thống kê mô tả, qua tần suất và tỷ lệ phần trăm, được sử dụng nhằm nhận diện xu hướng nổi bật thay của nhóm khách thể thông qua phân tích ý nghĩa của những con số thu được. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu mô tả thực trạng và phát hiện vấn đề cần nghiên cứu lâu dài và chuyên sâu.

Việc kết hợp hai nguồn dữ liệu giúp đối chiếu giữa xu hướng chung và lý giải cá nhân, từ đó làm rõ hơn mức độ sẵn sàng nghề nghiệp của GV trước xu hướng ứng dụng AI trong hoạt động dạy học.

2.3. Công cụ nghiên cứu

Khảo sát được tiến hành bằng bảng hỏi được thiết kế gồm 20 câu hỏi, chia theo nhiều nhóm nội dung khác nhau bên trong nhằm đảm bảo tìm hiểu sâu sắc các quan điểm, đánh giá của khách thể về AI được ứng dụng trong giảng dạy. Các câu hỏi khảo sát gồm những câu hỏi đóng và nhiều câu hỏi mở chuyên sâu vào vấn đề nghiên cứu.

Như vậy, bảng hỏi khảo sát cho phép thu thập được đồng thời câu trả lời của GV về mức độ hiểu biết về AI, thực hành giảng dạy với AI và quan điểm của GV về cùng một vấn đề nghiên cứu.

2.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Với quy mô mẫu nhỏ gồm 9 GV trả lời khảo sát và mục tiêu nghiên cứu mang tính thăm dò, dữ liệu thu được sẽ được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả (qua tần suất và tỷ lệ phần trăm) nhằm phản ánh xu hướng suy nghĩ của nhóm khách thể, thay vì suy luận khái quát hóa.

Bên cạnh đó, câu trả lời cho các câu hỏi mở được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung (content analysis) nhằm xác định các chủ đề nổi bật và lý giải chiều sâu nhận thức của người tham gia khảo sát. Việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính trong cùng một thiết kế sẽ tăng cường tính bổ trợ và nâng cao khả năng diễn giải kết quả nghiên cứu.

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Mức độ hiểu biết và tiếp cận AI

Kết quả thu được tại thời điểm khảo sát cho thấy chỉ có 1 GV, chiếm 11,1% chia sẻ rằng bản thân hiểu rất rõ về công nghệ và AI; 5 GV cho rằng bản thân khá hiểu về AI, tương đương 55,6% và có 03 GV trả lời rằng bản thân không hiểu biết về AI. Điều này có thể lý giải được khi các GV chia sẻ sâu hơn về việc tiếp cận với AI trong giai đoạn chuyển đổi số.

Cụ thể, 03 GV cho rằng họ chưa từng được tập huấn hay hướng dẫn sử dụng AI; 5 GV chia sẻ có được tham gia tập huấn 1 lần và chỉ có 1 GV cho biết đã được tham gia nhiều lần. Điều này chứng tỏ số lần được tham gia, tiếp cận với AI tỷ lệ thuận với mức độ hiểu biết của các GV về nội dung này.

2.5.2. Tần suất sử dụng và khó khăn

Với những kết quả thu được và phân tích ở trên chứng tỏ việc nắm bắt và hiểu biết về AI sẽ tác động tới tần suất sử dụng AI trong hoạt động dạy học của nhóm GV. Cụ thể, chỉ có 11,1% GV (01 GV) sử dụng AI thường xuyên trong khi chuẩn bị bài giảng do họ hiểu biết về công nghệ và AI, 66,7% số GV (06 GV) đôi khi sử dụng công cụ này vì không hiểu tường tận công cụ này và 22,2% GV (02 GV) rất hiếm khi sử dụng do mức độ hiểu biết về AI còn hạn chế.

Khi được hỏi những trở ngại khi sử dụng AI trong giảng dạy, hầu hết các GV đều thống nhất nêu khó khăn lớn nhất liên quan đến việc đánh giá chính xác bài làm của SV vì người học có sử dụng AI để làm bài tập. GV tỏ ra lúng túng khi chưa tìm được cách thức phù hợp nhằm đánh giá năng lực của SV thông qua bài tập có sử dụng AI để thực hiện. Chính vì vậy, biện pháp được đa số GV sử dụng chỉ dừng ở việc yêu cầu SV giải thích cách sử dụng AI khi làm bài tập và lưu ý chung về đạo đức học thuật khi SV làm bài.

2.5.3. Quan điểm về tác động của AI đến công tác giảng dạy

Cũng vì những khó khăn nêu trên, đa phần GV chưa sẵn sàng ứng dụng AI trong giảng dạy. Cụ thể, 6/9 GV chia sẻ rằng họ chưa có ý định hoặc không có ý định ứng dụng AI vào giảng dạy. Lí do được các GV chia sẻ chi tiết hơn cho việc này là do GV chưa thích ứng kịp và còn lúng túng trong việc tìm được phương pháp đánh giá phù hợp những bài tập được SV sử dụng AI.

Chính vì những lí do nêu trên, 7/9 GV chỉ khuyến khích SV sử dụng AI trong 1 số trường hợp nhất định (tìm từ vựng, giải thích từ vựng). Lí do được đưa ra là AI gây ảnh hưởng tiêu cực tới SV, làm cho SV lười suy nghĩ, sao chép phần gợi ý của AI vào bài tập mà không cần bất cứ tư duy nào. Ngoài ra, đa số GV (6/9 GV, tức 66,7%) cũng quan ngại việc ứng dụng AI trong giảng dạy do lo ngại AI sẽ làm giảm đáng kể vai trò của GV trên lớp học, làm cho GV không còn chủ động được hoàn toàn như trước khi AI được ứng dụng.

Tuy vậy, các GV (8/9 GV tương đương 88,9%) cũng nhìn nhận một số hiệu quả tích cực của AI trong quá trình giảng dạy và học tập. Cụ thể, công cụ này đã giúp SV rèn luyện tốt một số kỹ năng ngôn ngữ như thực hành nói, ngữ âm,...

Ngoài ra 4/9 GV (44,4%) nhận thấy AI có thể giúp giảm tải công việc trong khâu hỗ trợ tìm tài liệu soạn bài lên lớp. 4/9 GV (44,4%) khác cũng cho rằng AI cũng giúp GV đổi mới và sáng tạo hơn về

phương pháp dạy học bằng cách giúp họ chuyển từ phương pháp dạy học truyền thống sang phương pháp tích hợp AI trong giờ dạy.

2.5.4. Mong đợi và đề xuất của GV

Bên cạnh những khó khăn mà GV gặp phải trong quá trình chuyển đổi số trong dạy học thì một số hiệu quả mà AI mang lại là không thể phủ nhận. Chính vì thế, 100% GV nhìn nhận rằng AI là xu thế mới trong dạy/học ngoại ngữ và sẽ ứng dụng nhiều hơn công cụ này trong công việc.

Tuy vậy, để làm được điều đó, thì việc cập nhật kiến thức về AI và cách sử dụng công cụ này hiệu quả là điều kiện tiên quyết. Vì thế, cả 9/9 GV (100%) đều cho thấy việc này là bắt buộc phải thực hiện dù họ cảm thấy việc cập nhật kiến thức sẽ tạo ra không ít áp lực. Bởi lẽ, như các GV đã từng chia sẻ, chỉ có 01 GV có cơ hội tham gia nhiều kỳ tập huấn liên quan tới AI, nhưng có tới 5/9 GV chỉ được tập huấn 01 lần duy nhất liên quan tới AI và còn lại 3/9 GV chưa từng được tham gia tập huấn lần nào.

Những ý kiến trả lời trên đây phản ánh trạng thái “chuyển tiếp” của đội ngũ GV tiếng Pháp trước làn sóng ứng dụng công nghệ AI trong giảng dạy. Họ nhận thức được tiềm năng của công nghệ này nhưng chưa được trang bị đầy đủ để khai thác hiệu quả. Điều này phù hợp với nhận định của Zawacki-Richter et al. (2019) rằng đào tạo GV là mắt xích còn thiếu trong hệ sinh thái AI giáo dục.

Để nâng cao mức độ sẵn sàng, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về AI trong dạy học ngoại ngữ; phát triển khung đánh giá sản phẩm học tập tích hợp AI; ban hành hướng dẫn đạo đức rõ ràng; và hình thành cộng đồng thực hành để chia sẻ kinh nghiệm. Quan trọng hơn, cần chuyển từ tâm thế “AI sẽ thay thế GV” sang “AI sẽ hỗ trợ GV”. Khi GV làm chủ công nghệ và định hướng sự phạm rõ ràng, AI có thể trở thành công cụ tăng cường, hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học trong nhà trường chứ không làm suy giảm vai trò nghề nghiệp của đội ngũ GV nói chung cũng như đội ngũ GV trong các trường đại học.

2.6. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ sẵn sàng của GV trong việc ứng dụng AI vào giảng dạy còn ở trạng thái “chuyển tiếp”, thể hiện qua sự song hành giữa nhận thức về tiềm năng và những lo ngại trong thực tiễn triển khai. Một mặt, đa số GV nhìn nhận AI là xu hướng tất yếu và có khả năng hỗ trợ hiệu quả trong phát triển kỹ năng ngôn ngữ cho SV. Mặt khác, sự thiếu hụt về năng lực công nghệ, kinh nghiệm sử dụng và đặc biệt là phương pháp đánh giá phù hợp khiến GV chưa sẵn sàng áp dụng rộng rãi.

Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đây khi cho rằng thách thức lớn nhất trong tích hợp AI không nằm ở công cụ mà ở năng lực sự phạm và mức độ chuẩn bị của đội ngũ GV. Đồng thời, tâm lý lo ngại về việc suy giảm vai trò nghề

nh nghiệp và nguy cơ mất kiểm soát trong đánh giá học tập cũng là những rào cản đáng chú ý.

Tuy nhiên, xu hướng tích cực thể hiện ở việc 100% GV nhận thức rõ nhu cầu cần bồi dưỡng và sẵn sàng thích ứng. Điều này cho thấy tiềm năng chuyển đổi là khả thi nếu có sự hỗ trợ phù hợp về chuyên môn, chính sách và môi trường thực hành.

2.7. Hàm ý sự phạm và đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số hàm ý quan trọng đối với việc tích hợp AI trong dạy học ngoại ngữ:

Thứ nhất, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực AI cho GV theo hướng thực tiễn, tập trung vào kỹ năng sử dụng công cụ, thiết kế hoạt động học tập và kiểm soát việc sử dụng AI của SV.

Thứ hai, cần phát triển khung đánh giá học tập phù hợp với bối cảnh có AI, trong đó kết hợp giữa đánh giá sản phẩm và đánh giá quá trình nhằm đảm bảo tính trung thực học thuật.

Thứ ba, cần ban hành các hướng dẫn rõ ràng về đạo đức sử dụng AI trong học tập và giảng dạy, giúp GV và SV có cơ sở thống nhất trong thực hành.

Thứ tư, khuyến khích xây dựng cộng đồng thực hành trong nhà trường để GV chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình ứng dụng AI.

Nhìn chung, việc tích hợp AI chỉ thực sự hiệu quả khi được đặt trong định hướng sự phạm rõ ràng, với sự chuẩn bị đầy đủ về năng lực và cơ chế hỗ trợ. Đây là điều kiện then chốt để chuyển từ tâm thế e dè sang chủ động ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

2.8. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được xem xét. Trước hết, quy mô mẫu nghiên cứu còn nhỏ (9 GV), mang tính đặc thù của một đơn vị đào tạo, do đó chưa đủ cơ sở để khái quát cho toàn bộ đội ngũ GV ngoại ngữ ở các trường đại học khác. Thứ hai, dữ liệu thu thập chủ yếu dựa trên bảng hỏi tự báo cáo, có thể chịu ảnh hưởng của yếu tố chủ quan trong nhận thức và đánh giá của người tham gia. Thứ ba, nghiên cứu mới dừng ở việc khảo sát mức độ sẵn sàng và quan điểm của GV, chưa đi sâu phân tích hiệu quả thực tế của việc ứng dụng AI trong các hoạt động dạy học cụ thể.

Ngoài ra, việc thiếu các công cụ đo lường chuẩn hóa về năng lực AI trong giảng dạy cũng là một hạn chế, khiến việc đánh giá mức độ sẵn sàng chưa thực sự toàn diện và có hệ thống.

Từ những hạn chế trên, nghiên cứu mở ra một số hướng phát triển tiếp theo.

Thứ nhất, cần mở rộng phạm vi khảo sát với mẫu nghiên cứu lớn hơn, bao gồm nhiều cơ sở đào tạo và các ngành ngoại ngữ khác nhau nhằm tăng tính đại diện.

Thứ hai, nên kết hợp các phương pháp nghiên

cứu sâu hơn như phỏng vấn, quan sát lớp học hoặc nghiên cứu trường hợp để làm rõ cách thức GV tích hợp AI trong thực tiễn giảng dạy.

Thứ ba, cần phát triển các công cụ đánh giá năng lực ứng dụng AI của GV theo hướng chuẩn hóa, gắn với yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Cuối cùng, các nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào việc thiết kế và thử nghiệm các mô hình dạy học tích hợp AI, từ đó đánh giá tác động cụ thể của công nghệ này đến chất lượng giảng dạy và kết quả học tập của SV trong bối cảnh giáo dục đại học.

3. Kết luận

Kết quả từ nghiên cứu cho thấy GV giảng dạy tiếng Pháp tại một trường Đại học ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa hoàn toàn sẵn sàng cả về mặt kỹ năng cũng như tâm lý khi tích hợp AI vào giảng dạy, nhưng họ có quan điểm cởi mở và nhận thức được xu hướng tất yếu của công cụ này trong hoạt động dạy học, trong công việc giảng dạy ngoại ngữ trong tương lai.

Phân phân tích các kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự sẵn sàng ứng dụng AI vào công việc của các GV phụ thuộc vào ba yếu tố: năng lực hiểu biết và kỹ năng sử dụng AI, phương pháp đánh giá hiệu quả và đạo đức học thuật rõ ràng, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ và bồi dưỡng chuyên môn, yếu tố then chốt tạo dựng dự tin cho GV trong việc thích nghi với công cụ số này trong công tác giảng dạy.

Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục, nhất là ở bậc đại học, việc đầu tư phát triển năng lực AI cho GV nói chung, GV giảng dạy ngoại ngữ

nói riêng không chỉ mang ý nghĩa công nghệ mà còn là chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và thích ứng với môi trường giáo dục trong thời đại mới. Như vậy, nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách giáo dục đào tạo và hỗ trợ GV trong tiến trình tích hợp AI bền vững ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bruillard, E., Cornu, B., Bocquet, F., Guignolet, J., Moatti, D., & Véran, J.-P. (2014). *Le numérique à l'école : évolution ou révolution pédagogique ?* Revue internationale d'éducation de Sèvres, 67.
- [2]. Chassignol, M., Khoroshavin, A., Klimova, A., & Bilyatdinova, A. (2018). *Artificial intelligence trends in education: A narrative overview*. Procedia Computer Science, 136, 16–24.
- [3]. Cohen, L., Manion, L., & Morrison, K. (2018). *Research methods in education (8th ed.)*. Routledge.
- [4]. Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (5th ed.)*. SAGE.
- [5]. Creswell, J. W., & Plano Clark, V. L. (2018). *Designing and conducting mixed methods research (3rd ed.)*. SAGE.
- [6]. Ganascia, J.-G. (2017). *Le mythe de la singularité : Faut-il craindre l'intelligence artificielle?* Éditions du Seuil.
- [7]. Krippendorff, K. (2018). *Content analysis: An introduction to its methodology (4th ed.)*. SAGE.
- [8]. Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence unleashed: An argument for AI in education*. Pearson Education.

University lecturers' readiness for the trend of applying Artificial Intelligence in teaching: Some issues raised

Nguyen Huong Tra

Can Tho University - Email: nhuongtra@ctu.edu.vn.

Abstract: This study examines the perceptions and level of readiness of French language lecturers at Can Tho University regarding the integration of Artificial Intelligence (AI) into teaching practices. In the context of rapid digital transformation in higher education, AI is no longer merely a technical support tool; it entails profound changes in teachers' professional roles, instructional design, and assessment practices. The research employed a questionnaire survey administered to nine out of ten lecturers in the Department, combining descriptive statistical analysis with qualitative interpretation of open-ended responses. The findings reveal uneven levels of AI literacy among participants; most lecturers have only a basic understanding and have had limited opportunities for formal training. Although concerns were expressed about the potential erosion of professional authority and the challenges of assessing AI-assisted student work, the majority acknowledged AI's potential to enhance learning outcomes, particularly in practical language skills such as listening and speaking. All respondents emphasized the necessity of updating their knowledge and establishing ethical guidelines for AI use.

Keywords: Artificial Intelligence, French language lecturers, professional readiness, digital transformation in higher education.